

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN  
VẬN TẢI MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 42/CBTT-VMT

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận tải Miền Trung thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: VMT
- Địa chỉ: 184 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại liên hệ : 0236.3821240 Fax: 0236.3821210
- Email: info@vinatransdn.com.vn
- Website: http://www.vinatransdn.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 22/03/2024 tại đường dẫn: <http://www.vinatransdn.com.vn>

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC năm 2023
- Văn bản giải trình số 30/2024/CV-VMT

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN BÍCH LÂN



# Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Phê duyệt của Chủ tịch	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 34

# Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 ngày 12 tháng 08 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, GCNĐKDN này được điều chỉnh 15 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 05 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã VMT theo Quyết định số 870/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) chi nhánh và hai (2) văn phòng đại diện đang hoạt động tại các tỉnh/thành phố khác của Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch	
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên	
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2023

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên
Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2023
Ông Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2023

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bích Lân	bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	miễn nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2023

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA CHỦ TỊCH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo ý kiến của tôi, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. *my*



Nguyễn Bích Lân  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12761246/66926690

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (“Công ty”) được lập ngày 15 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

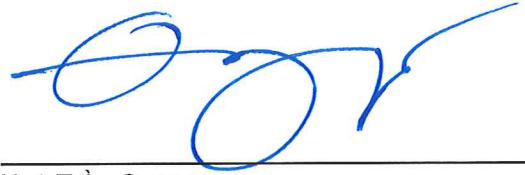
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2023-004-1



A blue ink signature of Ngô Trần Quang.

Ngô Trần Quang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 5629-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>31.718.007.533</b>	<b>36.031.743.058</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>10.414.581.944</b>	<b>11.208.212.039</b>
111	1. Tiền		3.406.773.725	11.208.212.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.007.808.219	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>4.110.000.000</b>	<b>1.144.200.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	4.110.000.000	1.144.200.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.910.285.133</b>	<b>12.135.409.789</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	5.615.046.477	9.089.603.898
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	246.687.080	908.917.740
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.048.551.576	2.136.888.151
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.283.140.456</b>	<b>11.543.921.230</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	456.861.376	179.894.311
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	9.826.279.080	11.364.026.919
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>138.983.634.067</b>	<b>143.121.043.211</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>134.158.587.206</b>	<b>139.931.565.612</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	119.533.972.192	125.306.950.598
222	Nguyên giá		136.363.093.645	136.067.863.356
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.829.121.453)	(10.760.912.758)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	14.624.615.014	14.624.615.014
228	Nguyên giá		14.624.615.014	14.624.615.014
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>234.686.042</b>	<b>-</b>
231	1. Nguyên giá		1.710.425.811	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.475.739.769)	-
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>396.579.500</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.8	396.579.500	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>994.200.000</b>	<b>-</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12	994.200.000	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.199.581.319</b>	<b>3.189.477.599</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.199.581.319	3.189.477.599
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>170.701.641.600</b>	<b>179.152.786.269</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>112.591.157.893</b>	<b>120.657.555.360</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>53.724.228.389</b>	<b>40.191.277.286</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	4.401.997.656	7.021.018.164
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.441.597	2.788.900
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	394.755.830	364.701.007
314	4. Phải trả người lao động		412.305.211	1.029.327.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	230.872.393	92.591.334
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	623.727.273	224.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	3.636.202.835	1.922.581.313
320	8. Vay ngắn hạn	19	43.630.232.380	29.000.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	386.693.214	534.268.734
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>58.866.929.504</b>	<b>80.466.278.074</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	346.000.000	-
338	2. Vay dài hạn	19	58.520.929.504	80.466.278.074
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>58.110.483.707</b>	<b>58.495.230.909</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>58.110.483.707</b>	<b>58.495.230.909</b>
411	1. Vốn cổ phần		31.500.000.000	31.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		31.500.000.000	31.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		393.000.000	393.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.939.161.654	2.878.400.693
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.278.322.053	23.723.830.216
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.213.069.255	22.826.111.004
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		65.252.798	897.719.212
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>170.701.641.600</b>	<b>179.152.786.269</b>

*JHM*

*meo*



Lê Thị Mơ  
Người lập

Lê Anh Thư  
Kế toán trưởng

Nguyễn Bích Lân  
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	21.1	59.144.885.008	71.157.503.715
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	22	(46.897.823.200)	(67.767.718.733)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		12.247.061.808	3.389.784.982
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	445.978.176	6.914.796.017
22	5. Chi phí tài chính	23	(7.585.248.851)	(5.581.918.420)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(7.547.601.734)	(5.547.670.598)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(4.317.441.445)	(3.249.736.250)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		790.349.688	1.472.926.329
31	8. Thu nhập khác	25	9.798.042	106.540.769
32	9. Chi phí khác	25	(39.948.570)	(76.888.466)
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác	25	(30.150.528)	29.652.303
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		760.199.160	1.502.578.632
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(694.946.362)	(287.359.420)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		65.252.798	1.215.219.212
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.5	21	142
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.5	21	142

Lê Thị Mơ  
Người lập

Lê Anh Thư  
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân  
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>760.199.160</b>	<b>1.502.578.632</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9	7.543.948.464	5.631.128.757
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(41.684.687)	(79.928.975)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(341.792.043)	(6.815.909.795)
06	Chi phí lãi vay	23	7.547.601.734	5.547.670.598
<b>08</b>	<b>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>15.468.272.628</b>	<b>5.785.539.217</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		6.762.803.040	(6.168.272.611)
11	Giảm các khoản phải trả		(2.710.400.998)	(15.494.317.671)
12	Tăng chi phí trả trước		(287.070.785)	(1.454.963.212)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.504.880.579)	(5.884.161.102)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(630.883.719)	(131.810.870)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(597.575.520)	(623.221.236)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>12.500.264.067</b>	<b>(23.971.207.485)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.402.235.600)	(39.204.945.962)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		-	7.407.407
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.960.000.000)	(4.150.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	4.300.000.000
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.372.822.950
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		341.792.043	228.299.463
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(6.020.443.557)</b>	<b>(31.446.416.142)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19	-	58.576.278.074
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(7.315.116.190)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(7.315.116.190)</b>	<b>58.576.278.074</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(835.295.680)</b>	<b>3.158.654.447</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>11.208.212.039</b>	<b>7.969.628.617</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		41.665.585	79.928.975
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>10.414.581.944</b>	<b>11.208.212.039</b>

Lê Thị Mơ  
 Người lập

Lê Anh Thư  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân  
 Chủ tịch HĐQT

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 ngày 12 tháng 08 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, GCNĐKDN này được điều chỉnh 15 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 05 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã VMT theo Quyết định số 870/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) chi nhánh và hai (2) văn phòng đại diện đang hoạt động tại các tỉnh/thành phố khác của Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 59 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 52).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

#### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	20 năm
---------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty, sau khi đã điều chỉnh việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có), cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập nhằm dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi dự tính chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	19.788.561	239.358.909
Tiền gửi ngân hàng	3.386.985.164	7.783.853.130
Các khoản tương đương tiền (*)	7.007.808.219	-
Tiền đang chuyển	-	3.185.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.414.581.944</b>	<b>11.208.212.039</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 3,85%/năm đến 5,50%/năm.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng (*)	4.110.000.000	150.000.000
Trái phiếu	-	994.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.110.000.000</b>	<b>1.144.200.000</b>

(\*) Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất từ 4,8%/năm đến 6,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên thứ ba	4.662.465.957	6.051.635.922
Công ty Cổ phần Logistic SC	519.063.299	343.861.066
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Diamond Marine	366.367.120	77.606.800
Các khách hàng khác	3.777.035.538	5.630.168.056
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	952.580.520	3.037.967.976
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.615.046.477</b>	<b>9.089.603.898</b>

**6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	197.288.080	165.699.820
Công ty TNHH TM-SX Tân Phương Phát	-	648.710.920
Các nhà cung cấp khác	49.399.000	94.507.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>246.687.080</b>	<b>908.917.740</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi trả hộ (Thuyết minh số 28)	950.266.236	1.447.591.631
Tạm ứng cho nhân viên	57.314.128	22.248.820
Khác	40.971.212	667.047.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.048.551.576</b>	<b>2.136.888.151</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>456.861.376</b>	<b>179.894.311</b>
Chi phí bảo hiểm	327.453.868	90.553.677
Công cụ dụng cụ	63.016.375	1.432.140
Chi phí thuê văn phòng	27.500.000	25.000.000
Khác	38.891.133	62.908.494
<b>Dài hạn</b>	<b>3.199.581.319</b>	<b>3.189.477.599</b>
Công cụ dụng cụ	1.805.918.754	1.934.217.411
Tiền thuê đất	955.764.144	1.194.705.180
Khác	437.898.421	60.555.008
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.656.442.695</b>	<b>3.369.371.910</b>

# Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm	96.030.052.211	35.860.812.154	4.144.089.900	32.909.091	136.067.863.356
Mua mới	31.313.100	1.474.343.000	500.000.000	-	2.005.656.100
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.710.425.811)	-	-	-	(1.710.425.811)
Số cuối năm	94.350.939.500	37.335.155.154	4.644.089.900	32.909.091	136.363.093.645
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	2.136.178.789	163.525.377	549.813.710	-	2.849.517.876
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(6.334.573.082)	(2.652.035.203)	(1.767.722.653)	(6.581.820)	(10.760.912.758)
Khấu hao trong năm	(3.896.078.041)	(3.159.761.391)	(481.527.212)	(6.581.820)	(7.543.948.464)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	1.475.739.769	-	-	-	1.475.739.769
Số cuối năm	(8.754.911.354)	(5.811.796.594)	(2.249.249.865)	(13.163.640)	(16.829.121.453)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	89.695.479.129	33.208.776.951	2.376.367.247	26.327.271	125.306.950.598
Số cuối năm	85.596.028.146	31.523.358.560	2.394.840.035	19.745.451	119.533.972.192
<b>Trong đó:</b>					
Giá trị còn lại được sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất lâu dài sau đây:

- Quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;
- Quyền sử dụng đất tại Lô số 202 – 203, Khu Quy hoạch Dân cư Hồ sinh thái, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và
- Quyền sử dụng đất tại 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

VND  
Quyền sử dụng đất

**Nguyên giá:**

Số đầu năm và số cuối năm 14.624.615.014

**Hao mòn lũy kế:**

Số đầu năm và số cuối năm -

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm và số cuối năm 14.624.615.014

*Trong đó:*

*Giá trị còn lại được sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)* 8.678.289.600

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

VND  
Nhà cửa vật kiến trúc

**Nguyên giá:**

Số đầu năm -

Chuyển từ tài sản cố định 1.710.425.811

Số cuối năm 1.710.425.811

**Khấu hao lũy kế:**

Số đầu năm -

Chuyển từ tài sản cố định (1.475.739.769)

Số cuối năm (1.475.739.769)

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm -

Số cuối năm 234.686.042

*Trong đó:*

*Giá trị còn lại được sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)* -

Bất động sản đầu tư của Công ty là một phần của Tòa nhà tọa lạc tại 184 Trần Phú, phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, ngôi nhà tọa lạc tại 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và một phần của tòa nhà tọa lạc tại 109-111 Lê Đức Thọ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Việt nam.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày tại *Thuyết minh số 21.1* và *Thuyết minh số 22*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường của tài sản, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Tên công ty	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương	994.200.000	-	2.678.121.600	-	-	-

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương (“VNT”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 4 năm 2003, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh điều chỉnh. VNT có trụ sở chính tại số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của VNT là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên bên khác	4.028.253.856	4.198.296.017
<i>Công ty Cổ phần Vận Tải Và Thuê Tàu Đà Nẵng</i>	400.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Ngôi sao Mới LS</i>	173.950.703	403.473.132
<i>Các bên khác</i>	3.454.303.153	3.794.822.885
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	373.743.800	2.822.722.147
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.401.997.656</b>	<b>7.021.018.164</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ**

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	11.364.026.919	2.869.146.572	(4.406.894.411)	9.826.279.080
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	287.359.420	694.946.362	(630.883.719)	351.422.063
Thuế thu nhập cá nhân	68.242.408	175.470.853	(200.681.290)	43.031.971
Thuế giá trị gia tăng	9.099.179	22.694.831	(31.492.214)	301.796
Các loại thuế khác	-	24.741.843	(24.741.843)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>364.701.007</b>	<b>917.853.889</b>	<b>(887.799.066)</b>	<b>394.755.830</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí lãi vay	98.202.929	92.591.334	
Chi phí khác	132.669.464	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>230.872.393</b>	<b>92.591.334</b>	

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tiền trả trước về cho thuê kho, thuê mặt bằng	623.727.273	224.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.636.202.835</b>	<b>1.922.581.313</b>
Lãi phải trả	3.559.452.085	1.529.452.085
Bảo hiểm xã hội	6.901.073	13.503.123
Tiền cọc	-	365.000.000
Khác	69.849.677	14.626.105
<b>Dài hạn</b>	<b>346.000.000</b>	-
Tiền cọc	346.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.982.202.835</u></b>	<b><u>1.922.581.313</u></b>

**18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	534.268.734	389.989.970
Trích lập quỹ	450.000.000	767.500.000
Sử dụng quỹ	<u>(597.575.520)</u>	<u>(623.221.236)</u>
Số cuối năm	<u>386.693.214</u>	<u>534.268.734</u>

# Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>29.000.000.000</b>	-	-	<b>14.630.232.380</b>	<b>43.630.232.380</b>
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	-	-	-	14.630.232.380	14.630.232.380
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	29.000.000.000	-	-	-	29.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>80.466.278.074</b>	-	<b>(7.315.116.190)</b>	<b>(14.630.232.380)</b>	<b>58.520.929.504</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	80.466.278.074	-	(7.315.116.190)	(14.630.232.380)	58.520.929.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>109.466.278.074</b>	-	<b>(7.315.116.190)</b>	-	<b>102.151.161.884</b>

VND

### 19.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh (Thuyết minh số 28) được trình bày như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm	Tháng		
Công ty Cổ phần Transimex	29.000.000.000	7	12	Từ ngày 15 tháng 6 năm 2024 đến ngày 23 tháng 7 năm 2024	Tin chấp

# Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. VAY (tiếp theo)

### 19.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn cho mục đích đầu tư xây dựng tài sản cố định được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Shinhan Bank	<u>73.151.161.884</u>	7	84	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2024 đến ngày 25 tháng 11 năm 2028	Các Quyền sử dụng đất trị giá 8.678.289.600 VND tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và quyền sử dụng đất theo số 57854 cấp ngày 17 tháng 6 năm 2002 của UBND Thành phố Đà Nẵng tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và tài sản hình thành trên đất (Thuyết minh số 9, 10, 11)

Trong đó:

Vay dài hạn 58.520.929.504  
Vay dài hạn đến hạn trả 14.630.232.380

# Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	31.500.000.000	393.000.000	2.472.870.806	23.681.640.891	58.047.511.697
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.215.219.212	1.215.219.212
Trích lập các quỹ	-	-	405.529.887	(1.173.029.887)	(767.500.000)
Số cuối năm	31.500.000.000	393.000.000	2.878.400.693	23.723.830.216	58.495.230.909
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	31.500.000.000	393.000.000	2.878.400.693	23.723.830.216	58.495.230.909
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	65.252.798	65.252.798
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	60.760.961	(60.760.961)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)
Số cuối năm	31.500.000.000	393.000.000	2.939.161.654	23.278.322.053	58.110.483.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Vốn cổ phần**

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp VND
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Vinafreight	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Transimex	708.460	7.084.600.000	22,49	7.084.600.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	304.800	3.048.000.000	9,68	3.048.000.000
Khác	379.940	3.799.400.000	12,05	3.799.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.150.000</b>	<b>31.500.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>31.500.000.000</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số cuối năm và số đầu năm	<u>31.500.000.000</u>	<u>31.500.000.000</u>

**20.4 Cổ phiếu**

	Số cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đã phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đang lưu hành	3.150.000	3.150.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (31 tháng 12 năm 2022: VND 10.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.5 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	65.252.798	1.215.219.212
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	-	(450.000.000)
Thù lao của HĐQT và BKS (VND)	-	(317.500.000)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>65.252.798</b>	<b>447.719.212</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	3.150.000	3.150.000
Lãi cơ bản (VND)	21	142
Lãi suy giảm (VND)	21	142

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của HĐQT và BKS từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 9 tháng 5 năm 2023.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm nay chưa được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập báo cáo tài chính này.

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	32.146.443.194	59.154.021.611
Doanh thu cho thuê kho bãi	24.882.527.010	9.896.133.825
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.115.914.804	2.107.348.279
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>59.144.885.008</b>	<b>71.157.503.715</b>
Trong đó:		
Các bên khác	51.449.505.193	60.265.268.142
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	7.695.379.815	10.892.235.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU (tiếp theo)**

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	341.792.043	122.919.463
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	97.752.659	94.921.061
Thu tiền bán chứng khoán	-	6.587.610.332
Cổ tức được chia	-	105.380.000
Khác	6.433.474	3.965.161
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>445.978.176</u></b>	<b><u>6.914.796.017</u></b>

**22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải	28.450.097.554	54.215.797.871
Giá vốn cho thuê kho bãi	18.360.162.121	13.535.982.541
Giá vốn cho thuê văn phòng	87.563.525	15.938.321
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>46.897.823.200</u></b>	<b><u>67.767.718.733</u></b>

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.547.601.734	5.547.670.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	8.403.131
Khác	37.647.117	25.844.691
	<u>7.585.248.851</u>	<u>5.581.918.420</u>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	2.333.030.470	2.061.520.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	735.207.651	183.412.840
Chi phí khấu hao và hao mòn	164.966.796	165.449.352
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	110.000.000	110.000.000
Khác	974.236.528	729.353.556
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.317.441.445</u></b>	<b><u>3.249.736.250</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>9.798.042</b>	<b>106.540.769</b>
Thu nhập từ khoản bồi thường	-	43.922.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	7.407.407
Thu nhập khác	9.798.042	55.211.362
<b>Chi phí khác</b>	<b>(39.948.570)</b>	<b>(76.888.466)</b>
Các khoản phạt	(8.379.094)	(36.098.466)
Khác	(31.569.476)	(40.790.000)
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>(30.150.528)</b>	<b>29.652.303</b>

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.079.369.217	55.120.971.239
Chi phí lương nhân viên	8.829.978.963	7.019.554.773
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9)	7.543.948.464	5.631.128.757
Khác	2.761.968.001	3.245.800.214
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.215.264.645</b>	<b>71.017.454.983</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	694.946.362	287.359.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>760.199.160</b>	<b>1.502.578.632</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	152.039.832	300.515.727
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	542.906.530	7.919.693
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	(21.076.000)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>694.946.362</b>	<b>287.359.420</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Mối quan hệ	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đồng

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
			<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Logistic Vinalink	Mua dịch vụ	64.863.025	932.835.251
	Cung cấp dịch vụ	24.120.228	53.941.023
	Bán chứng khoán	-	822.950
	Cổ tức	-	80.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	Mua dịch vụ	66.998.774	207.466.996
	Cung cấp dịch vụ	46.316.822	1.433.369.379
Công ty Cổ phần Transimex	Mua dịch vụ	5.026.594.254	4.529.749.650
	Lãi vay	2.030.000.000	1.480.474.140
	Cung cấp dịch vụ	740.834.125	1.228.161.948
	Lãi vay được vốn hóa	-	549.525.890
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Mua dịch vụ	61.800.000	-
	Cung cấp dịch vụ	2.600.000	971.111.611
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Mua tài sản	-	391.345.873
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	Mua dịch vụ	65.366.956	2.899.259
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	6.881.508.640	7.205.651.612
	Mua dịch vụ	909.074	17.911.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>			
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	952.580.520	1.764.726.480
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	-	634.773.804
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Cung cấp dịch vụ	-	575.299.144
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	-	52.488.048
Công ty Cổ phần Logistic Vinalink	Cung cấp dịch vụ	-	10.680.500
		<b>952.580.520</b>	<b>3.037.967.976</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Chi trả hộ	950.266.236	1.447.591.631
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Transimex	Mua dịch vụ	372.762.000	2.390.957.567
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Mua dịch vụ	981.800	-
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Mua tài sản cố định	-	430.480.460
Công ty Cổ phần Vinafreight	Mua dịch vụ	-	1.284.120
		<b>373.743.800</b>	<b>2.822.722.147</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Transimex	Vay	29.000.000.000	29.000.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Transimex	Lãi vay	3.559.452.085	1.529.452.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc ("TGD") và Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	VND
			Năm trước
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	42.000.000	26.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	42.000.000	26.800.000
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT (từ ngày 9 tháng 5 năm 2023)	27.000.000	-
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT (đến ngày 11 tháng 5 năm 2022)	-	15.200.000
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng BKS	42.000.000	42.000.000
Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS	18.000.000	5.000.000
Bà Nguyễn Anh Nam	Thành viên BKS (đến ngày 11 tháng 5 năm 2022)	-	6.500.000
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	TGD (từ ngày 30 tháng 6 năm 2023)	218.008.847	-
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	TGD (đến ngày 20 tháng 5 năm 2023)	270.693.193	469.041.994
Ông Hồ Văn Tú	Phó TGD (đến ngày 15 tháng 9 năm 2023)	291.421.170	397.737.153
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.071.123.210</b>	<b>1.109.079.147</b>

**29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.187.181.819	1.644.090.909
Từ 1 đến 5 năm	1.510.000.000	2.340.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.697.181.819</b>	<b>3.984.090.909</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

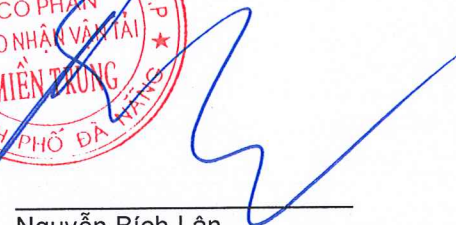
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Lê Thị Mơ  
Người lập



Lê Anh Thư  
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân  
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

4.0103

4.0103